

BÁO CÁO

Tổng kết công tác y tế năm 2019 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2020

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2019

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp của các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; toàn ngành y tế từ trung ương đến địa phương đã nỗ lực phấn đấu và cơ bản hoàn thành toàn diện các lĩnh vực y tế, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

I. VỀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Hoàn thành vượt 2 chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao năm 2019: (1) số giường bệnh trên vạn dân giao 27 - đạt 27,5; (2) tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế giao 88,1%, đạt 90% dân số. Đạt và vượt 8/11 các chỉ tiêu y tế cơ bản năm 2019 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Tiếp tục triển khai và hoàn thành một số nhiệm vụ của các Nghị quyết Trung ương về công tác y tế, dân số. Phòng chống dịch bệnh chủ động, không để dịch lớn xảy ra. Các hoạt động nâng cao sức khỏe, dự phòng, phát hiện sớm, quản lý các bệnh không lây nhiễm được tăng cường. Xây dựng và thực hiện mô hình 26 trạm y tế xã điểm theo nguyên lý y học gia đình, đang triển khai nhân rộng trên toàn quốc, nhiều tỉnh, thành phố đã thực hiện lập hồ sơ sức khỏe cá nhân cho khoảng 80% dân số. Bảo đảm an toàn thực phẩm tiếp tục đạt các kết quả tích cực, thí điểm thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm được mở rộng. Tiếp tục duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát tốc độ mất cân bằng giới tính khi sinh, các hoạt động nâng cao chất lượng dân số về thể chất được chú trọng. Chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh ở các tuyến, sự hài lòng của người dân có xu hướng ngày càng tăng lên. Thực hiện nhiều giải pháp để phát triển y dược cổ truyền.

Tổ chức bộ máy cả trung ương và địa phương tiếp tục được sắp xếp theo hướng theo hướng tinh gọn đầu mối, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị y tế có chất lượng và giá hợp lý cho khám, chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh, thiên tai. Đẩy mạnh đấu thầu tập trung thuốc, thí điểm đấu thầu tập trung vật tư y tế, góp phần giảm giá thuốc và giảm chênh lệch giá thuốc giữa các địa phương, cơ sở y tế. Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý bệnh án, theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân, quản lý quỹ bảo hiểm y tế, kết nối các cơ sở cung ứng thuốc. Tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp để hạn chế tình trạng lạm dụng Quỹ BHYT, đổi mới cơ chế tài chính y tế.

Một số kết quả chính của năm 2019 theo các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao cụ thể như sau:

1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế

1.1. Công tác dự phòng, nâng cao sức khỏe nhân dân

Trình ban hành và triển khai Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 phê duyệt Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025”. Tiếp tục thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam theo Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ, tăng cường các hoạt động vận động thể lực, nâng cao sức khỏe. Tích cực truyền thông phòng chống các yếu tố nguy cơ có hại cho sức khỏe như thuốc lá, rượu bia, chế độ dinh dưỡng không hợp lý... Đẩy mạnh hoạt động cung ứng dịch vụ tầm soát, phát hiện sớm các bệnh không lây nhiễm như ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh bẩm sinh di truyền. Xây dựng Đề án chăm sóc dinh dưỡng cho người cao tuổi và Đề án bữa ăn học đường.

Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 sau 4 năm triển khai tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực. Số mắc, tử vong của các bệnh dịch nguy hiểm như lao, phong, sốt rét, HIV/AIDS giảm. Bảo vệ thành quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ > 90% cho trẻ em dưới 1 tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. Công tác kết hợp quân dân y được triển khai sâu rộng trên toàn quốc.

Chủ động và quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh (đặc biệt là sởi, sốt xuất huyết, tay chân miệng), nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở, huy động sự tham gia của các ban, ngành đoàn thể trong công tác phòng, chống dịch, tập trung vào các hoạt động giám sát, truyền thông, quản lý và kịp thời xử lý triệt để các ổ dịch mới phát sinh, không để bùng phát, lan rộng. Thực hiện các giải pháp tăng số ngày tiêm chủng tại trạm y tế xã, triển khai tiêm chủng lưu động. Năm 2019, hầu hết các dịch bệnh truyền nhiễm có xu hướng giảm so với năm 2018¹.

1.2. Công tác quản lý môi trường y tế

Ban hành 55 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tại nơi làm việc. Chỉ đạo triển khai (1) Tổng điều tra toàn quốc về nguồn thải từ hoạt động y tế và

¹ - Các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới nổi (như tả, cúm gia cầm, Ebola...): Không ghi nhận trường hợp mắc.
- Sốt xuất huyết: Ghi nhận 320.702 trường hợp mắc, 53 tử vong tại 18 tỉnh/thành phố. So với cùng kỳ năm 2018 số mắc tăng 2,5 lần; tỷ lệ tử vong là 0,017%, tương đương cùng kỳ.
- Viêm màng não do não mô cầu: Ghi nhận 27 trường hợp mắc (14 trường hợp dương tính) và 01 trường hợp tử vong tại Thanh Hóa. So với cùng kỳ năm 2018, số mắc giảm 06 trường hợp, số tử vong giảm 01 trường hợp.
- Viêm não vi rút: Ghi nhận 578 trường hợp lũy tích (100 trường hợp dương tính, 14 trường hợp tử vong). So với cùng kỳ năm 2018, số mắc giảm 23,9%, số tử vong giảm 07 trường hợp.
- Tay chân miệng: Ghi nhận 103.942 trường hợp mắc tại 63 tỉnh, thành phố (48.838 trường hợp nhập viện), trong đó có 01 trường hợp tử vong. So với năm 2018, số mắc cả nước giảm 18,3%, số trường hợp nhập viện giảm 20,6%.
- Các trường hợp mắc cúm mùa: Các chủng vi rút cúm được ghi nhận chủ yếu là vi rút cúm A(H1N1) và vi rút cúm B. Tính đến thời điểm hiện tại, cả nước ghi nhận 409.772 trường hợp mắc cúm, 10 trường hợp tử vong. So với cùng kỳ năm 2018, số mắc giảm 10,4% và số tử vong giảm 2 trường hợp.

đánh giá mức độ ô nhiễm từ các nguồn thải tại các cơ sở y tế; (2) Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho hoạt động xử lý nước thải bệnh viện; (3) Đánh giá dư lượng một số kháng sinh trong nước thải bệnh viện và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp; (4) Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế của ngành Y tế giai đoạn 2021 - 2025; (5) Đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin quản lý môi trường y tế trên toàn quốc.

Tổ chức các đoàn kiểm tra việc thực hiện các quy định về việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong các cơ sở y tế, công tác quản lý, sử dụng hóa chất và bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động trong các cơ sở y tế, công tác phòng chống bệnh tật học đường, vệ sinh chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt tại một số địa phương và bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế năm 2019 theo Kế hoạch số 189/KH-BYT ngày 28/2/2019 của Bộ Y tế. Tổ chức các đoàn thanh tra chuyên ngành việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý hoá chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn, y tế trường học đường, bảo đảm chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt. Tổ chức đến tận hộ gia đình xét nghiệm nước hỗ trợ khắc phục sự cố ô nhiễm nước sạch sông Đà cho người dân TP. Hà Nội. Chỉ đạo và hỗ trợ ngành Y tế Hà Nội giám sát, xét nghiệm, công khai chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt trong sự cố ô nhiễm nguồn nước sạch của Công ty cổ phần đầu tư nước sạch sông Đà cấp cho người dân thành phố Hà Nội.

Ban hành chỉ thị số 08/CT-BYT ngày 29/7/2019 về giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành y tế và tổ chức Hội nghị trực tuyến tại 64 đầu cầu trên cả nước về triển khai giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành y tế; Hướng dẫn các Sở Y tế, các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế tổ chức ký cam kết giảm thiểu chất thải nhựa và xây dựng kế hoạch giảm thiểu chất thải nhựa tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

1.3. Phòng, chống HIV/AIDS

Tính đến ngày 18/12/2019, số trường hợp nhiễm HIV hiện còn sống là 210.051 người, số bệnh nhân AIDS hiện tại là 97.015 người, số người nhiễm HIV tử vong 98.512 trường hợp. So với tháng 11/2019, số trường hợp nhiễm HIV tăng 23 trường hợp, số bệnh nhân AIDS được báo cáo tăng 20 trường hợp, số tử vong báo cáo tăng 25 trường hợp. Toàn quốc đã có 330 cơ sở điều trị methadone tại 63 tỉnh, TP với 52.089 bệnh nhân.

Triển khai đánh giá Chiến lược quốc gia phòng, chống HIV/AIDS đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và xây dựng Chiến lược quốc gia kết thúc dịch AIDS vào năm 2030, dự kiến trình Chính phủ phê duyệt trong Quý IV năm 2020. Đánh giá 10 năm triển khai chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone; triển khai điều trị Buprenorphine giai đoạn I tại các tỉnh: Điện Biên, Nghệ An, Sơn La, Thanh Hoá. Phối hợp với Bộ Công an về việc mở mới 10 trại giam tham gia điều trị ARV trong năm 2019 và tất cả các trại giam còn lại triển khai điều trị ARV chính thức vào năm 2020. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương lồng ghép quản lý chất lượng điều trị HIV/AIDS vào hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện. Xây dựng và chuẩn hóa tài liệu đào tạo về điều trị HIV, tài liệu đào tạo về điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức Hội nghị vận động chính sách trong phòng, chống HIV/AIDS tại TP.Cần Thơ và TP. Đà Nẵng.

1.4. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm

Năm 2019 toàn quốc đã xảy ra 65 vụ ngộ độc thực phẩm với 1765 người mắc, 1748 người đi viện, 09 người tử vong. Chỉ đạo đảm bảo an toàn thực phẩm các dịp lễ tết, sự kiện quan trọng quốc gia như cuộc họp Thượng đỉnh Mỹ - Triều lần thứ 2, đại lễ Vesak liên hợp quốc...

Xây dựng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm an toàn thực phẩm. Từ đầu năm 2019, Bộ Y tế đã ban hành 54 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thực phẩm, chuyển Bộ Khoa học và Công nghệ công bố 51 TCVN về phương pháp kiểm nghiệm an toàn thực phẩm. Ngành y tế đã có 58 phòng kiểm nghiệm thực phẩm cấp tỉnh được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO/IEC/17025.

Triển khai Quyết định số 47/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về mở rộng thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm. Công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm được triển khai đồng bộ, quyết liệt từ trung ương đến địa phương², đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nhiều vụ vi phạm, công khai kịp thời trên phương tiện thông tin đại chúng.

1.5. Tăng cường mạng lưới y tế cơ sở

Đã có khoảng 90% trạm y tế xã có bác sĩ làm việc, 95% trạm y tế xã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh, 99,7% xã có cơ sở trạm, 99% thôn, bản, ấp có nhân viên y tế hoạt động, 76% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Tích cực triển khai và nhân rộng mô hình 26 trạm y tế xã điểm theo nguyên lý y học gia đình với các hoạt động nhằm đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ. Tiếp tục triển khai Đề án “Cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trung ương, bệnh viện tuyến cuối của TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh về hỗ trợ các trạm y tế xã, phường, thị trấn nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh giai đoạn 2018-2020”. Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực cán bộ y tế theo Đề án "Tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn y tế xã, phường giai đoạn 2019-2025".

Triển khai gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở. Xây dựng cơ chế chính sách, tài chính cho y tế xã, phường. Xây dựng và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư, Chủ tịch nước đồng ý cho phép đàm phán Hiệp định với nhà tài trợ đối với 02 dự án: Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn ODA của ADB, tổng mức đầu tư 110,6 triệu USD; Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở vay vốn WB, tổng mức đầu tư 110 triệu USD.

1.6. Khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, hài lòng của người dân: các bệnh viện tích cực áp dụng Bộ 83 tiêu chí

² Theo báo cáo của 55/63 tỉnh, thành phố, trong 9 tháng đầu năm 2019 có 21.811 đoàn thanh tra, kiểm tra tại 427.842 cơ sở, phát hiện hơn 65.128 cơ sở vi phạm về an toàn thực phẩm, chiếm 15,22% tổng số cơ sở được kiểm tra, đã xử lý 13.256 cơ sở (chiếm 20,35% số cơ sở vi phạm), bao gồm cảnh cáo 924 cơ sở, phạt tiền 11.910 cơ sở với tổng số tiền phạt là 43.001.341.600 đồng. Ngoài các hình thức phạt tiền còn áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả: Đình.

chất lượng bệnh viện, sau 5 năm triển khai, về cơ bản bộ mặt của toàn bộ hệ thống các bệnh viện đã có những tiến bộ hết sức rõ rệt, từ người bảo vệ đến điều dưỡng, bác sỹ, giám đốc; từ công bệnh viện đến khoa khám bệnh, buồng bệnh, phòng mổ... kể cả bệnh viện huyện ở những vùng sâu, vùng xa. Người bệnh được chăm sóc tốt hơn, hài lòng hơn, chất lượng nguồn nhân lực và điều kiện làm việc, đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên y tế được từng bước nâng lên, phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh; ban hành bộ tiêu chí xét nghiệm để đánh giá và liên thông kết quả xét nghiệm, chẩn đoán; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ; chuyên giao kỹ thuật cho tuyến dưới, thực hiện nghĩa vụ luân phiên; cải cách thủ tục khám, chữa bệnh; xây dựng cơ sở y tế Xanh – Sạch – Đẹp; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ. Tích cực triển khai khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế, Xây dựng Đề án Thu hút người nước ngoài, người Việt Nam sống ở nước ngoài và người Việt Nam thu nhập cao khám chữa bệnh ở Việt Nam.

Báo cáo Chỉ số PAPI công bố năm 2019 cho thấy chỉ số hài lòng của người dân về y tế công lập tăng từ 1,92 năm 2017 lên 1,96 năm 2018 (thang điểm 2,5); chỉ 0,4% số người sử dụng dịch vụ y tế của bệnh viện công tuyến huyện phải lột tay nhân viên y tế để được chăm sóc tốt hơn (năm 2013 là 20%, năm 2016 là 17%, năm 2017 là 9%). Khảo sát của Tổ chức Sáng kiến Việt Nam, Oxfam cho thấy chỉ số hài lòng người bệnh nội trú năm 2018 đạt 80,8% (năm 2017 là 79,6%). Phần mềm trực tuyến khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế đã có tổng số trên 3,4 triệu lượt người được các bệnh viện khảo sát, các góp ý chân thành, tích cực của người bệnh và NVYT đã được hệ thống ghi nhận. Tỷ lệ hài lòng người bệnh nội trú do các bệnh viện tự khảo sát đến nay đạt 80,6%, rất thống nhất với kết quả khảo sát độc lập (<http://chatluongbenhvien.vn>). Tháng 7 năm 2019, Cục Quản lý khám, chữa bệnh được xét chọn là 1 trong 7 tập thể xuất sắc để tôn vinh trong Chương trình “Vinh quang Việt Nam - Thi đua làm theo lời Bác” với các sáng kiến nổi bật góp phần nâng cao chất lượng bệnh viện, hướng tới sự hài lòng người bệnh trong 5 năm qua.

Tăng cường các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế. Bộ Y tế và Bộ Công an đã sơ kết 5 năm thực hiện Quy chế phối hợp số 03/QCPH-BCA-BYT về công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong lĩnh vực y tế. Các lực lượng chức năng đã chủ động trong hoạt động trao đổi thông tin, hình ảnh về các đối tượng “cò mồi”, móc túi, trộm cắp, lừa đảo, cưỡng đoạt tài sản, các hoạt động liên quan đến ma túy trong và khu vực ngoài bệnh viện để thông báo công khai, kịp thời cho người dân đến khám, chữa bệnh biết, chủ động phòng tránh, phát hiện, tố giác tội phạm. Xây dựng mô hình “Tự phòng, tự quản, tự bảo vệ” tại các bệnh viện và cơ sở y tế để chủ động trong công tác bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tính mạng, sức khỏe và danh dự của nhân viên y tế; chủ động thông báo cho Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, công an cấp huyện, xã và chính quyền địa phương tình hình an ninh, trật tự tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

1.7. Y học cổ truyền

Xây dựng và được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 phê duyệt Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030. Ban hành Quyết định số

3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 về Danh mục 100 cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển giai đoạn 2020-2030. Tổ chức Hội nghị về y học cổ truyền của các nước thuộc lưu vực sông Mê Kông mở rộng vào tháng 9/2019; tổ chức Hội chợ, chợ dược liệu và các sản phẩm y dược cổ truyền có sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài. Tăng cường công tác quản lý về dược liệu theo Chỉ thị 17/CT-TTg của Thủ tướng về chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền. Triển khai thực hiện nhiệm vụ “Nghiên cứu, phát triển các dịch vụ y tế kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại có khả năng phục vụ du lịch” theo Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành nghiên cứu, đánh giá các tiềm năng, thế mạnh của y dược cổ truyền trong việc cung ứng các dịch vụ phục vụ du lịch.

Cả nước có 63 bệnh viện y học cổ truyền ở 58 tỉnh, thành phố (3 tỉnh có 2 bệnh viện); 88,23% trạm y tế có tổ chức khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền; tỷ lệ lượt khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền trên tổng số lượt khám, chữa bệnh chung: tuyến tỉnh 8,86%, tuyến huyện 8,96%, tuyến xã 28,49%.

1.8. Dân số - kế hoạch hóa gia đình

Hoàn thiện, trình và được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/10/2019 phê duyệt Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030; trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Đề án Truyền thông dân số đến năm 2030. Xây dựng Đề án điều chỉnh mức sinh giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030; phối hợp với Ủy ban Dân tộc xây dựng Đề án Nâng cao chất lượng dân số các dân tộc ít người và các đề án khác đã được phân công tại Nghị quyết 137.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động về dân số. Thực hiện các giải pháp duy trì mức sinh thay thế, đẩy mạnh các hoạt động kiểm soát cân bằng giới tính khi sinh. Tiếp tục triển khai Chương trình Kế hoạch hóa gia đình tập trung tại vùng có mức sinh cao, bảo đảm cung ứng đầy đủ phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho người dân, Đề án Chẩn đoán, sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại 9.457 xã của 634 huyện; Đề án can thiệp giảm tỷ lệ mắc bệnh tan máu bẩm sinh tại cộng đồng tại 261 xã/29 huyện của 6 tỉnh, TP; Mô hình Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân tại 1.464 xã của 63 tỉnh, TP. Hiện có 163 cơ sở y tế tuyến tỉnh, 635 cơ sở y tế tuyến huyện triển khai kỹ thuật siêu âm sàng lọc trước sinh. Tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng nhằm thích ứng với già hóa dân số, khoảng 6,7 triệu người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm, 11,3 triệu người cao tuổi có thể BHYT (95%).

Dân số trung bình năm 2019 của cả nước ước tính 96,48 triệu người, trong đó dân số thành thị chiếm 34,7%; dân số nông thôn chiếm 65,3%; dân số nam chiếm 49,8%; dân số nữ chiếm 50,2%. Tổng tỷ suất sinh đạt 2,09 con/phụ nữ, dưới mức sinh thay thế; 56,43 số bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh. Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh giảm từ 114,8 năm 2018 xuống 111,5 bé trai/100 bé gái năm 2019. Tuổi thọ trung bình tăng từ 73,5 năm 2018 lên 73,6 năm 2019.

1.9. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em

Xây dựng, trình và được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 phê duyệt Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam". Xây dựng Đề án "Truyền thông, tư vấn và cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất"; Thông tư quy định yêu cầu đối với sản phẩm sữa tươi bổ sung vi chất phục vụ chương trình sữa học đường. Phê duyệt Đề án tổng thể về dự phòng và sàng lọc ung thư cổ tử cung.

Chỉ đạo các bệnh viện đầu ngành tăng cường công tác chỉ đạo tuyến, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em ở một số địa phương³. Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và kiến nghị Sở Y tế các tỉnh/thành phố tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở y tế, kể cả cơ sở tư nhân hành nghề khám chữa bệnh sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình. Thực hiện công tác giám sát, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật các cơ sở y tế trong lĩnh vực sức khỏe bà mẹ - trẻ em.

Tổ chức các lớp tập huấn về quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau mô lấy thai; người đỡ đẻ có kỹ năng, dự phòng và sàng lọc ung thư cổ tử cung; tư vấn phòng các bệnh lây truyền từ mẹ sang con, chăm sóc trẻ bằng phương pháp Kangaroo; triển khai sổ theo sức khỏe bà mẹ trẻ em điện tử; tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất; chăm sóc sức khỏe cho nam giới.

Các chỉ tiêu cơ bản trong chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em phản ánh khả năng tiếp cận của người dân đối với dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em đều đạt độ bao phủ phổ cập và duy trì chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai ≥ 3 lần trong 3 thời kỳ duy trì 90,7% so với năm 2018. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai ≥ 4 lần trong 3 thời kỳ tăng từ 66,7% năm 2018 lên 69,6% năm 2019. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ tăng từ 95,6% năm 2018 lên 96,1% năm 2019. Tỷ lệ bà mẹ, trẻ sơ sinh được chăm sóc sau đẻ tại nhà trong tuần đầu duy trì 97,2% so với năm 2018. Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống giảm từ 48 năm 2018 xuống 46 năm 2019. Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống giảm từ 14,3 năm 2018 xuống 14 năm 2019. Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống giảm từ 21,4 năm 2018 xuống 21 năm 2019.

1.10. Về củng cố mạng lưới y tế biển đảo, tăng cường kết hợp quân dân y và công tác quốc phòng

Tiếp tục triển khai Đề án phát triển y tế biển, đảo đến năm 2020 theo Quyết định số 317/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Chương trình kết hợp quân dân y được triển khai sâu rộng trên toàn quốc, sẵn sàng đáp ứng các tình huống khẩn cấp; xây dựng tiềm lực y tế, quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Triển khai các hoạt động tại tuyến y tế cơ sở, khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí, tặng quà cho đối tượng chính sách, khu vực vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo kết hợp tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và công tác chăm sóc sức khỏe, đặc biệt đối với đồng bào các dân tộc vùng biên giới. Ngày 18/10/2019, Bộ Y tế tổ chức Hội nghị sơ kết 10 năm thực hiện xây

³ Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Giang, Đồng Nai, Nam Định, Đồng Tháp,....

dựng nền quốc phòng toàn dân giai đoạn 2009 – 2019. Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng kiến thức QPAN cho 119 đồng chí đối tượng 3 của cơ quan Bộ và các đơn vị trực thuộc khu vực Hà Nội.

1.11. Về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Ban hành 6 Công điện chỉ đạo các địa phương phòng chống thiên tai; tổ chức 04 lớp tập huấn: 02 lớp nâng cao năng lực bảo đảm y tế phòng chống thiên tai cho các Sở Y tế các tỉnh/thành phố và các đơn vị trực thuộc Bộ; 02 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho các đội cấp cứu, vận chuyển trong ứng phó sự cố thiên tai và TKCN; Phối hợp Bộ Tài chính trình Thủ tướng chính phủ cấp hàng dự trữ quốc gia cho 02 tỉnh thiệt hại nặng sau mưa lũ (Kiên Giang và Thanh Hóa); cấp hàng phòng chống thiên tai cho 6 tỉnh khu vực miền trung để ứng phó với mưa lũ.

1.12. Công tác truyền thông y tế

Trong năm 2019, các hoạt động truyền thông về công tác y tế tiếp tục được triển khai thực hiện rộng khắp và bám sát các nội dung trọng tâm của ngành. Phối hợp với các đơn vị, địa phương xử lý thông tin kịp thời trong các sự cố, tai biến y khoa. Chủ động, kịp thời, thường xuyên cung cấp thông tin cho báo chí về các nhiệm vụ, hoạt động của ngành y tế; thông qua giao ban Tổng biên tập, họp báo, gặp mặt báo chí định kỳ, đột xuất, cung cấp tin, bài; giúp định hướng thông tin, tạo được sự gắn kết giữa ngành y tế và báo chí, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân và cộng đồng. Đã xây dựng 3.000 tin bài, gần 100 chương trình truyền hình, phóng sự, hơn 40 tọa đàm, giao lưu trực tuyến tuyên truyền về công tác y tế năm 2019.

Chủ động phối hợp với gần 63 cơ quan báo đài để tuyên truyền về công tác y tế năm 2019, đảm bảo tiến độ và hiệu quả truyền thông. Triển khai các chương trình phối hợp truyền thông, thỏa thuận hợp tác với một số Bộ, ban ngành như: Ban Tuyên giáo Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương, Công đoàn Việt Nam, Hội Thầy thuốc trẻ Việt Nam...

2. Đào tạo và nhân lực y tế

Trình Chính phủ Nghị định quy định về đào tạo chuyên khoa đặc thù trong lĩnh vực sức khỏe; Đề án thành lập và triển khai hoạt động của Hội đồng Y khoa quốc gia. Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe. Rà soát năng lực đào tạo và qui mô đào tạo, đẩy mạnh đào tạo về lãnh đạo, quản lý ngành y tế cho cán bộ quy hoạch và lãnh đạo đương nhiệm (đã tổ chức 9 khóa, 1.090 học viên tốt nghiệp). Tiếp tục xây dựng chuẩn năng lực cơ bản các loại hình nhân viên y tế, năm 2019 đã ban hành Chuẩn năng lực nghề nghiệp cơ bản của Cử nhân Y tế công cộng và Dược sỹ. Cả nước có 44 cơ sở đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, trong đó có 22 cơ sở công lập.

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ để triển khai thực hiện Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Hoàn thiện các ý kiến khắc phục sau đánh giá chức năng quản lý lâm sàng trong Hệ thống quản lý quốc gia về vắc xin và đã được thông qua tại đợt đánh giá lần 2 vào tháng 5 năm 2019 của Tổ chức y tế thế giới. Xây dựng và ban

hành các quy trình chuẩn hoạt động chuyên môn phục vụ công tác quản lý nghiên cứu khoa học và thử nghiệm lâm sàng; 11 tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp kiểm nghiệm ATTP, 16 tiêu chuẩn quốc gia về kiểm nghiệm mỹ phẩm.

Dự án “Thí điểm đưa bác sĩ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (ưu tiên 62 huyện nghèo)” đã tổ chức được 6 khóa bác sĩ trẻ đã tốt nghiệp, bàn giao 104 bác sĩ cho 48 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.

3. Hệ thống thông tin y tế

Ban hành bộ mã danh mục dùng chung áp dụng trong quản lý khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán BHYT (Phiên bản số 6) sử dụng tại trên 12 ngàn cơ sở y tế. Hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trích chuyển dữ liệu lên Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuộc Hệ thống thông tin giám định BHYT của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, triển khai đào tạo cho nhân viên các cơ sở y tế. Từ đó nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng quỹ BHYT, quản lý cung ứng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 -2025. Tiếp tục triển khai Đề án thí điểm hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS) không in phim tại 15 bệnh viện, Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia được triển khai đến tất cả các điểm tiêm chủng trên toàn quốc. Hệ thống quản lý thông tin bệnh truyền nhiễm bằng phần mềm tại 1.761 xã, phường, thị trấn của 33 tỉnh, thành phố. Phát triển hệ thống tư vấn khám, chữa bệnh từ xa, bệnh án điện tử. Tiếp tục tích cực thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin tại trạm y tế xã, phường giai đoạn 2018-2020, hoàn thiện phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử, hiện đã được áp dụng tại trên 15 tỉnh, thành phố. Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quyết định 5349 ngày 12/11/2019 phê duyệt Kế hoạch triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hiện đại hóa hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử Bộ Y tế⁴. Xây dựng phần mềm thống kê y tế điện tử và triển khai ở 13 tỉnh; phần mềm công thông tin y tế và một số hệ thống thông tin khác làm cơ sở hình thành y tế số. Duy trì ổn định hoạt động của 51 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, 100% các dịch vụ hành chính công được cung cấp ở mức độ 2, triển khai cơ chế một cửa quốc gia. Tính đến hết tháng 10, Bộ Y tế đã triển khai 10 trong số 24 thủ tục hành chính trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo kế hoạch năm 2019.

Biên soạn Niên giám thống kê y tế năm 2017 và năm 2018. Xây dựng và ban hành Thông tư số 20/2019/TT-BYT quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế. Quyết định số 4911/QĐ-BYT ngày 21/10/2019 ban hành quy chế phổ biến thông tin thống kê của Bộ Y tế.

4. Dược, trang thiết bị và công trình y tế

4.1. Quản lý dược và mở rộng phạm vi, danh mục đấu thầu tập trung

⁴ Nâng cấp hạ tầng trung tâm dữ liệu CNTT y tế đạt mức 2+ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Phối hợp với Mạng lưới thông tin y tế điện tử châu Á để xây dựng LAB liên thông cho y tế Việt Nam; ký thoả thuận với Tập đoàn FPT về việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế giai đoạn 2018-2020.

thuốc, vật tư y tế theo pháp luật về đấu thầu

Bảo đảm cung ứng đủ về số lượng, an toàn về chất lượng thuốc với giá cả hợp lý phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 23/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, kết nối các cơ sở cung ứng thuốc; Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020.

Triển khai đánh giá sơ bộ về tình hình công nghiệp dược và xây dựng đề cương Đề án phát triển công nghiệp dược, nguyên liệu, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; đánh giá và xây dựng Đề án đảm bảo nguồn cung ứng vắc xin cho Chương trình tiêm chủng mở rộng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; triển khai đánh giá Quyết định 68/QĐ-TTg về Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam sau 5 năm thực hiện. Ban hành Danh mục 640 thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp; Thông tư sửa đổi quy định việc đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập tiếp tục duy trì cơ chế khuyến khích thuốc sản xuất trong nước.

Xây dựng và ngày 12/8/2019 ra mắt website ngân hàng dữ liệu ngành dược (Drugbank.vn) với hơn 10.000 thuốc đang lưu hành, gần 41.000 cơ sở sản xuất, phân phối thuốc và dược sĩ đã được cấp chứng chỉ hành nghề, cung cấp cho cộng đồng một nền tảng tra cứu toàn diện, thuận tiện mọi lúc mọi nơi thông qua website hoặc ngay trên ứng dụng di động. Chuẩn hóa được trên 55.000 danh mục mặt hàng thuốc. Xây dựng Platform quản lý Core Dược Quốc gia và các chuẩn liên thông dữ liệu (API) cho phép kết nối với các phần mềm nhà thuốc khác, phần mềm quản lý bệnh viện, phần mềm của các cơ sở sản xuất và xuất nhập khẩu.

Đẩy mạnh đấu thầu tập trung cấp trung ương và địa phương: hoàn thành đấu thầu tập trung quốc gia cung cấp 22 hoạt chất với 136 mặt hàng thuốc năm 2019-2020, trong đó 39/39 mặt hàng biệt dược gốc giảm được 10% tương ứng với được 745 tỷ đồng, 81/97 mặt hàng thuốc generic giảm được 40,14%, tương ứng với 1.549 tỷ đồng; 02 thuốc kháng vi rút ARV giảm được 18,86% tương ứng 26,6 tỷ đồng so với giá trúng thầu trung bình năm trước. Triển khai đấu thầu tập trung cấp bộ một số vật tư y tế, đã ban hành danh mục, xây dựng tính năng kỹ thuật, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành trong quý 4 năm 2019. Nghiên cứu đề xuất thí điểm phương thức đấu thầu tập trung, đàm phán giá thuốc, thiết bị và vật tư y tế để lấy giá trần (giá tối đa).

4.2. Trang thiết bị và công trình y tế

Đã có nhiều dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động như: Khu điều trị và kỹ thuật cao Bệnh viện YHCT TW; Bệnh viện thuộc Học viện Y học cổ truyền TW; Khoa khám bệnh bệnh viện Hữu Nghị; Trường Cao đẳng Dược Hải Dương..., sắp tới sẽ hoàn thành Khoa khám bệnh Bệnh viện E, Trung tâm kỹ thuật cao và ghép phổi Bệnh viện Phổi TW, Viện giám định pháp y tâm thần TW, ngoài ra còn một số cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, đơn vị dự phòng đã hoàn thành một số hạng mục, góp phần đáp ứng số giường bệnh, số phòng khám, các trang thiết bị góp phần nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, phục vụ ngày càng tốt hơn công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Đến nay, cơ sở 2 của Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức đã hoàn thành cơ bản phần xây dựng, đang hoàn thiện nội thất, hệ thống điện, nước, công nghệ thông tin và tổ chức đầu thầu trang thiết bị để có thể vận hành toàn bệnh viện vào năm 2020. Riêng Bệnh viện Bạch Mai cơ sở 2 đã tổ chức khám bệnh từ ngày 25/3/2019 và đạt khoảng 600-700 lượt/ngày.

5. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế

5.1. Tài chính, bảo hiểm y tế

Phối hợp với Bộ Tài chính và BHXH Việt Nam xây dựng và ban hành Thông tư giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng⁵. Tiếp tục rà soát, phân loại dịch vụ, khảo sát, điều chỉnh định kinh tế kỹ thuật và xây dựng giá dịch vụ bao gồm cả chi phí quản lý. Việc tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện chủ trương chuyển chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp cho các cơ sở y tế sang hỗ trợ người dân tham gia BHYT, năm 2019 sử dụng khoảng 32.000 tỷ đồng chi sự nghiệp y tế (chiếm khoảng 35%) để hỗ trợ người nghèo, các đối tượng chính sách tham gia BHYT. Đang khẩn trương hoàn chỉnh phương thức thanh toán theo định suất, triển khai thí điểm phương thức thanh toán theo trường hợp bệnh.

Thực hiện các thủ tục theo quy định để thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty Dược Việt Nam-Công ty CP; triển khai cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên vắc xin và sinh phẩm số 1 và Công ty TNHH một thành viên Vắc xin Pasteur Đà Lạt theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để thực hiện lộ trình BHYT toàn dân, tỷ lệ tham gia BHYT tăng từ 88,5% năm 2018 lên 90% năm 2019 (85,390 triệu người), có khoảng 180 triệu lượt người khám bệnh, chữa bệnh BHYT. Phối hợp với Bộ Tài chính, BHXH Việt Nam giải quyết một số vướng mắc trong thanh toán chi phí KCB BHYT theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 11/5/2019 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2019. Nghiên cứu đề xuất việc kết nối, hợp tác và phát triển bảo hiểm y tế, sức khỏe thương mại và các gói bảo hiểm y tế bổ sung.

5.2. Thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển

Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế dân số đạt được nhiều kết quả tích cực: Thu hút đầu tư không chỉ vào các bệnh viện tư mà còn có cả các cơ sở dự phòng, tiêm chủng. Một số tập đoàn kinh tế đã đầu tư xây dựng các chuỗi bệnh viện, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các tầng lớp nhân dân, nhất là người có thu nhập cao. Các cơ sở y tế công lập đã vay vốn, huy động để đầu tư cơ sở hạ tầng,

⁵ Đối với người bệnh có thẻ BHYT đã thực hiện mức giá gồm chi phí trực tiếp, chi phí tiền lương theo mức lương cơ sở 1.390.000 đồng từ ngày 15/12/2018 theo quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BYT, đến 20/8/2019 tiếp tục điều chỉnh mức giá theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng theo Thông tư số 13/2019/TT-BYT.

Đối với người bệnh không có thẻ BHYT phần lớn các địa phương đang thực hiện mức giá gồm chi phí trực tiếp, chi phí tiền lương theo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng theo Quy định của Thông tư số 02/2018/TT-BYT, hiện mới có 20 tỉnh, thành phố được điều chỉnh giá theo mức lương 1.390.000 đồng theo quy định của Thông tư số 37/2018/TT-BYT. Dự kiến cuối năm các tỉnh sẽ thực hiện điều chỉnh theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng theo quy định Thông tư số 14/2019/TT-BYT (do phụ thuộc vào lịch họp của HĐND cấp tỉnh để thông qua).

trang thiết bị⁶; liên doanh, liên kết⁷; thuê cơ sở, trang thiết bị; nghiên cứu đề xuất hình thức bệnh viện công hợp tác với nhà đầu tư để xây dựng bệnh viện trong hoặc ngoài bệnh viện công; nhà đầu tư xây dựng bệnh viện để cho bệnh viện công thuê lại...

Y tế tư nhân tiếp tục phát triển cả về quy mô và số lượng. Số bệnh viện tư nhân tăng từ 102 bệnh viện với 5.800 giường bệnh năm 2010 lên 231 bệnh viện (19,4% tổng số bệnh viện) với khoảng 16.000 giường bệnh (5% tổng số giường bệnh, 1,7 giường trên 1 vạn dân) và trên 35.000 phòng khám tư nhân, góp phần đáng kể vào cung cấp dịch vụ y tế, cả khám chữa bệnh và phòng bệnh (cung cấp 43% dịch vụ ngoại trú và 2,1% tổng số dịch vụ nội trú). Bên cạnh một số bệnh viện 100% vốn nước ngoài, bệnh viện tư nhân có trang thiết bị hiện đại, cung cấp dịch vụ y tế kỹ thuật cao. Một số nhà đầu tư đã thành lập chuỗi bệnh viện như Tập đoàn Y khoa Hoàn Mỹ, Hệ thống y tế Vinmec, đã xuất hiện mô hình cơ sở y tế tư nhân hoạt động không vì lợi nhuận (Hệ thống y tế Vinmec). Về dược tư nhân, hệ thống bán buôn có khoảng trên 550 công ty dược phẩm trong nước chuyên phân phối thuốc, 2.000 cơ sở bán buôn thuốc, 43 nghìn nhà thuốc bán lẻ, nhà thuốc trong bệnh viện (mật độ khoảng 2.123 người có một cơ sở bán lẻ thuốc), hình thành một số hệ thống chuỗi nhà thuốc.

5.3. Tình hình thực hiện dự toán NSNN 2019

5.3.1. Dự toán NSNN toàn ngành năm 2019

Tổng dự toán NSNN năm 2019 là 119.461,1 tỷ đồng, bằng 6,98% tổng chi NSNN, gồm chi đầu tư phát triển là 13.403,1 tỷ đồng, chi thường xuyên là 106.058 tỷ đồng. Chi từ nguồn thu khác là 139.360 tỷ đồng, trong đó viện phí trực tiếp khoảng 30.360 tỷ đồng, từ BHYT thanh toán 98.000 tỷ đồng, thu sự nghiệp khác khoảng 11.000 tỷ đồng.

5.3.2. Dự toán NSNN năm 2019 do Bộ Y tế trực tiếp quản lý

Thực hiện giao dự toán chi đầu tư, chi thường xuyên cho các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế theo đúng tổng mức được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ Tài chính giao, đảm bảo thời gian theo quy định của Luật NSNN.

5.3.2.1. Chi đầu tư phát triển

a) Dự toán chi được giao tại Quyết định số 2118/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 6.638,97 tỷ đồng, gồm: (i) Vốn trong nước: 4.738,97 tỷ đồng; (ii) Vốn ngoài nước: 1.900 triệu đồng (Bộ Y tế đã có công văn số 4529/BYT-KHTC ngày 06/8/2019 gửi Bộ KH&ĐT đề nghị điều chỉnh giảm xuống còn 791.220 triệu đồng).

b) Kết quả thực hiện dự toán:

⁶ Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam, Quỹ kích cầu, Quỹ đầu tư phát triển: Đến nay 11 đơn vị đã ký hợp đồng vay khoảng 2.174,2 tỷ đồng đã hoàn thành đầu tư một số Bệnh viện. Thực hiện Nghị quyết 93/NQ-CP, 4 ngân hàng thương mại (BIDV, Vietinbank, VIB, Vietcombank) đã triển khai các gói tín dụng ưu đãi, đã đăng ký vay khoảng 44.000 tỷ đồng, đã giải ngân khoảng 5.000 tỷ đồng. Một số bệnh viện đã huy động vốn của viên chức, người lao động với số tiền khoảng 206,57 tỷ đồng

⁷ Tổng hợp báo cáo của 55 Sở Y tế và 23 bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế: có khoảng 723 đề án liên doanh, liên kết với tổng số vốn là 6.113,54 tỷ đồng.

- Giải ngân vốn đầu tư công thuộc kế hoạch vốn năm 2019 là: 2.055.083/6.638.970 triệu đồng đạt 31% dự toán được giao, gồm:
 - + Vốn trong nước là 365.210/588.970 triệu đồng đạt 62%.
 - + Vốn đối ứng các dự án ODA: 0/35.000 triệu đồng đạt 0%.
 - + Vốn trái phiếu Chính phủ: 0/1.350.000 triệu đồng đạt 0%.
 - + Vốn nước ngoài là 441.092/1.900.000 triệu đồng đạt 23,2%.
 - + Vốn đầu tư cho 02 bệnh viện tuyến cuối: 1.248.781/2.765.000 triệu đồng đạt 45% (trong đó thu hồi vốn ứng trước là 765.000 triệu đồng).
- Vốn kéo dài 2018 sang 2019: 367.997/1.755.568 triệu đồng đạt 20,96%, trong đó: Vốn trong nước là 75.267/177.458 triệu đồng đạt 42,4%; Vốn Trái phiếu CP là 292.731/1.578.109 triệu đồng đạt 18,55%.

5.3.2.2. Chi thường xuyên:

a) Dự toán được giao tại Quyết định số 2230/QĐ-BTC ngày 13/11/2018 là 7.702,205 tỷ đồng, gồm: (i) Vốn trong nước: 4.534,135 tỷ đồng; (ii) Vốn ngoài nước: 3.168,070 tỷ đồng.

b) Giải ngân: Ước thực hiện đến hết tháng 12 năm 2019 là 7.258,8 tỷ đồng, đạt 96,4% dự toán: (i) Vốn trong nước là 4.433,8 tỷ đồng, đạt 96,9%; (ii) Vốn nước ngoài là 2.825 tỷ đồng, đạt 95,7%.

6. Quản lý nhà nước và điều hành ngành y tế

6.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

a) Được Quốc hội ban hành Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. Đang khẩn trương hoàn thiện dự án Luật khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi) và Luật sửa đổi, bổ sung Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). Đang xây dựng hồ sơ đề nghị đối với dự án Luật bảo hiểm y tế (sửa đổi) và tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự án Luật dân số theo kiến nghị của Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội.

b) Đã hoàn thành xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 06/06 Đề án trong Chương trình công tác của Chính phủ năm 2019 giao cho Bộ Y tế. Được Chính phủ ban hành 01 Nghị định và 01 Nghị quyết, Thủ tướng Chính phủ ban hành 05 Quyết định⁸.

⁸ (1) Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 15/9/2019 của Chính phủ về thí điểm tự chủ 04 Bệnh viện thuộc Bộ Y tế; (2) Nghị định số 03/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 sửa đổi, bổ sung Điều 68 Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; (3) Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 phê duyệt Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025”; (4) Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 16/9/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế; (5) Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/10/2019 phê duyệt Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030; (6) Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 phê duyệt Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030; Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 phê duyệt Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam".

c) Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành theo thẩm quyền 35 Thông tư.

6.2. Về sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả

- Ở địa phương đẩy mạnh sáp nhập các trung tâm làm nhiệm vụ dự phòng tuyến tỉnh thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, trung tâm y tế và bệnh viện huyện thành trung tâm y tế đa chức năng, trực tiếp quản lý trạm y tế xã. Năm 2019 có 15 tỉnh, thành phố⁹ (tổng số có 56/63 tỉnh, TP) thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật/TP với số đơn vị tuyến tỉnh thực hiện sáp nhập là 266 đơn vị; 555/713 đơn vị cấp huyện tổ chức thực hiện hợp nhất Trung tâm y tế huyện và Bệnh viện huyện thành Trung tâm Y tế huyện; 44 tỉnh với khoảng 475 đơn vị cấp huyện thực hiện nhập Trung tâm dân số vào Trung tâm y tế huyện. Về cơ chế quản lý, cả nước đã có 62/63 tỉnh, thành phố quy định trung tâm y tế huyện là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế còn 01 tỉnh (Bình Phước) quy định trung tâm y tế huyện do UBND huyện quản lý; 62/63 tỉnh, thành phố quy định trạm y tế xã là đơn vị y tế thuộc Trung tâm y tế huyện (tỉnh Quảng Ninh do Phòng Y tế quản lý trạm y tế).

- Ở Trung ương đang triển khai xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia theo hướng sắp xếp hệ thống y tế theo 3 cấp chuyên môn, phù hợp với nhu cầu chăm sóc sức khỏe, phân bố dân cư ở từng vùng, địa bàn; xây dựng đề án sắp xếp các đơn vị dự phòng thành trung tâm kiểm soát bệnh tật TW, vùng; chuẩn bị xây dựng đề án sắp xếp các đơn vị kiểm nghiệm, kiểm định thành cơ quan kiểm soát thuốc, thực phẩm, trang thiết bị; sắp xếp các bệnh viện theo hướng Bộ Y tế chỉ quản lý một số bệnh viện chuyên khoa, đầu ngành, chuyển một số bệnh viện về địa phương quản lý.

- Tăng cường giao quyền tự chủ cho các đơn vị: đến nay đã có 240 đơn vị (Bộ Y tế có 29 đơn vị) được giao tự chủ, tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên. Mức độ bảo đảm tài chính đối với khoảng 1.250 đơn vị thuộc nhóm tự bảo một phần chi thường xuyên ngày càng tăng, nhiều đơn vị, nhất là các bệnh viện đã tự chủ được 80-90% chi thường xuyên. 04 Bệnh viện thuộc Bộ Y tế (BV Bạch Mai, BV Hữu Nghị Việt Đức, BV Chợ Rẫy, BV K được thực hiện thí điểm cả chi đầu tư và chi thường xuyên.

6.3. Tăng cường thanh tra, kiểm tra

Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật tại các cơ sở y tế; ban hành Danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh và danh mục sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế. Xây dựng Quy trình ISO giám sát việc thực hiện kết luận thanh tra tại Thanh tra Bộ Y tế.

Công tác thanh gia, kiểm tra các lĩnh vực y tế được đẩy mạnh, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Thanh tra Bộ đã triển khai 54 đoàn thanh tra, kiểm tra, xác minh đơn thư¹⁰, ban hành 03 quyết định thu hồi sản phẩm,

⁹ Cao Bằng, Lai Châu, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Bến Tre

¹⁰ 16 đoàn thanh tra chuyên ngành; 01 đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm; 05 đoàn thanh tra hành chính và phòng chống tham nhũng; 05 đoàn thanh tra trách nhiệm về giải quyết khiếu nại tố cáo; 11 đoàn xác minh đơn tố

38 kết luận, 16 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 380,55 triệu đồng. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết đơn thư của Bộ Y tế theo quy định với 251 lượt người, 138 vụ việc. Giải quyết các ý kiến phản ánh của người dân qua Đường dây nóng của Bộ Y tế (1900-9095): tổng số 54.841 cuộc gọi đến, trong đó 11.654 cuộc gọi phản ánh đúng phạm vi (21,25%), cắt thi đua 61 trường hợp, điều chuyển sang bộ phận khác 07 trường hợp, khiển trách 105 trường hợp, xử lý kỷ luật 07 trường hợp cho nghỉ việc, 02 trường hợp bị cách chức, đồng thời khen thưởng 101 trường hợp.

Cục An toàn thực phẩm đã thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm, ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 50 cơ sở với 70 hành vi vi phạm, tổng số tiền phạt là 3.274.133.581 đồng, số tiền phạt trung bình/1 cơ sở là 65,5 triệu đồng, cao hơn so với năm 2018 (53,7 triệu đồng/cơ sở). Cục Quản lý Dược triển khai 102 đoàn kiểm tra, trong đó 59 đoàn lĩnh vực dược và 43 đoàn lĩnh vực mỹ phẩm, xử phạt 11 cơ sở vi phạm hành chính trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm với số tiền 561,5 triệu đồng. Cục Quản lý khám, chữa bệnh triển khai 06 đoàn thanh tra theo kế hoạch, 04 đoàn kiểm tra tại 38 bệnh viện. Cục Y tế dự phòng triển khai 04 đoàn thanh tra. Cục Quản lý môi trường y tế triển khai 04 đoàn thanh tra, xử phạt 08 cơ sở vi phạm với số tiền 230 triệu đồng.

Báo cáo của 63 địa phương cho thấy: Về lĩnh vực an toàn thực phẩm năm 2019 có 24.544 đoàn thanh tra, kiểm tra tại 485.186 cơ sở, phát hiện 69.266 cơ sở vi phạm, chiếm 14,28%; đã xử lý 14.892 cơ sở (chiếm 21,45% số cơ sở vi phạm), trong đó phạt tiền 12.450 cơ sở với số tiền phạt: 45.552.756.000 đồng – trung bình 3,6 triệu đồng/cơ sở, cao hơn so với năm 2018 (2,4 triệu đồng/cơ sở). Ngoài các hình thức xử phạt chính, còn áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả: đình chỉ lưu hành 196 loại sản phẩm của 341 cơ sở; 3.146 cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm; tiêu hủy 2.830 loại sản phẩm do không đảm bảo ATTP; số cơ sở có vi phạm không bị xử lý, chỉ nhắc nhở là 54.212 cơ sở, chiếm tỷ lệ 78,27% số cơ sở vi phạm, chủ yếu tập trung ở tuyến huyện, xã. Về lĩnh vực khám chữa bệnh, 63 tỉnh, thành phố đã thanh tra, kiểm tra công tác khám, chữa bệnh đối với tổng số 3.261 cơ sở được thanh tra, kiểm tra, xử lý 421 cơ sở vi phạm. Về lĩnh vực dược, mỹ phẩm, 63 tỉnh, TP đã thanh tra, kiểm tra 3.234 cơ sở, xử lý 461 cơ sở vi phạm.

Tiếp tục xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng công tác hệ thống thanh tra y tế, cộng tác viên thanh tra y tế và mạng lưới cán bộ làm công tác thanh tra của thủ trưởng, thanh tra nhân dân tại các đơn vị trực thuộc¹¹.

cáo, khiếu nại; 16 đoàn kiểm tra về an toàn thực phẩm, phòng chống tác hại thuốc lá, phòng chống ma túy, phòng chống tham nhũng, kiểm tra

¹¹ Tổ chức 45 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, cấp chứng chỉ thanh tra an toàn thực phẩm cho gần 5.000 cán bộ của 09 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Gia Lai. Tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và công tác tiếp công dân cho 270 cán bộ, công chức viên chức Sở Y tế 03 tỉnh Bắc Ninh, Thanh Hóa và Bạc Liêu; 02 lớp thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm dựa trên nguy cơ cho tổng số 126 người, gồm thành phố Hải Phòng 72 người và Thanh Hóa 54 người; 03 lớp tập huấn thanh tra xử lý vi phạm về hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế cho 250 người tham dự của 63 tỉnh, TP. Tổng cục Dân số - KHHGD phối hợp với Trường Cán bộ thanh tra-Thanh tra Chính phủ tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành dân số cho công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục và Chi cục DS-KHHGD các tỉnh thành phố với 47 học viên (05 học viên từ Tổng cục và 42 học viên từ 36 Chi cục DS-KHHGD); Quyết định giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành cho 04 công chức thuộc Tổng cục.

6.4. Cải cách thủ tục hành chính

Bộ Y tế đã ban hành 06 Quyết định công bố thủ tục hành chính; tính đến nay, 602 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế đã được ban hành và công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia.

Bộ Y tế đã thực hiện công bố Danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh và danh mục sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước tại Quyết định số 1899/QĐ-BYT ngày 20/5/2019 và có văn bản gửi Văn phòng Chính phủ báo cáo kết quả thực hiện, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế. Tiếp tục rà soát¹², cắt giảm, đơn giản hóa 69,43% điều kiện kinh doanh, 75,97% thủ tục hành chính.

Bộ Y tế đã ban hành các quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo, kế hoạch hành động thúc đẩy thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN. Đối với 37 thủ tục hành chính Bộ Y tế đăng ký tham gia Cơ chế một cửa quốc gia đối với trong giai đoạn 2018-2020, năm 2018-2019 có 23 thủ tục hành chính hoàn thành và năm 2020 sẽ triển khai đối với 14 thủ tục hành chính còn lại.

6.5. Hợp tác và hội nhập quốc tế

Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế song phương, đa phương. Tích cực tham dự các hội nghị, diễn đàn quốc tế và đóng góp ý kiến xây dựng các chính sách, giải quyết các vấn đề y tế khu vực và toàn cầu. Việt Nam được bầu là một trong 34 thành viên của Hội đồng chấp hành WHO, đã hoàn thành xuất sắc nhiệm kỳ 03 năm 2016-2019 và có nhiều đóng góp đáng kể được các quốc gia thành viên đánh giá cao. Tổ chức đều đặn cuộc họp Nhóm đối tác y tế hàng quý với các chủ đề ưu tiên của ngành y tế như Đổi mới chính sách y tế Việt Nam, tham vấn Luật khám bệnh, chữa bệnh sửa đổi, Luật phòng chống tác hại của rượu bia, Công nghệ và các giải pháp sáng tạo cho mục tiêu bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân... Năm 2019 ký kết được 04 Biên bản ghi nhớ cấp Bộ và 01 Hiệp định cấp Chính phủ là Hiệp định giữa các quốc gia thành viên ASEAN về thành lập Trung tâm già hóa năng động sáng tạo của ASEAN. Thành lập Ban chỉ đạo về sức khỏe toàn cầu của Bộ Y tế và Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo về sức khỏe toàn cầu.

III. Tồn tại, hạn chế

1. Tổ chức bộ máy: Mạng lưới y tế cơ sở tuy rộng khắp nhưng hiệu quả hoạt động chưa cao (cơ sở vật chất, trang thiết bị, năng lực chuyên môn còn hạn chế), chưa đáp ứng được sự thay đổi của mô hình bệnh tật.

2. Dự phòng, nâng cao sức khỏe: Nhiều hành vi, thói quen ảnh hưởng xấu tới sức khỏe chưa được khắc phục căn bản như nghiện ma túy, sử dụng rượu, bia và đồ uống có cồn, có ga, ít hoạt động thể lực, dinh dưỡng chưa hợp lý. Tỷ lệ trẻ thấp còi còn cao (22,9%), tỷ lệ người thừa cân béo phì có xu hướng tăng nhanh, nhất là ở khu vực thành thị. Quản lý bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở còn nhiều khó khăn, chưa rộng khắp. Một số dịch bệnh lưu hành như sởi, sốt xuất huyết, tay chân miệng vẫn còn ở mức có nguy cơ cao. Tình hình ngộ độc thực phẩm còn diễn

¹² Phương pháp tính số liệu về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh được thống nhất với Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương - Bộ Kế hoạch Đầu tư.

biến phức tạp, khó kiểm soát đối với các vụ ngộ độc thực phẩm tại bếp ăn tập thể, trường học.

3. Khám chữa bệnh: Chất lượng khám chữa bệnh chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người dân, đặc biệt ở tuyến dưới, người dân chưa tin tưởng vào y tế cơ sở. An ninh, trật tự an toàn tại một số bệnh viện chưa được bảo đảm. Hầu hết mới chỉ tập trung vào chữa bệnh mà chưa có đủ điều kiện chăm sóc toàn diện người bệnh. Tình trạng vượt tuyến dẫn đến quá tải ở một số bệnh viện trung ương và thành phố lớn chưa được giải quyết triệt để. Lợi thế của y dược cổ truyền chưa phát huy tốt.

4. Dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em: Đã có 44 tỉnh với thực hiện nhập Trung tâm dân số vào Trung tâm y tế huyện đa chức năng, tuy nhiên mô hình tổ chức còn khác nhau, phương thức quản lý không thống nhất, kinh phí đầu tư giảm đã làm ảnh hưởng đến tâm lý cán bộ dân số cơ sở làm giảm hiệu quả hoạt động và kết quả thực hiện kế hoạch năm 2019. Mức sinh giữa các vùng chênh lệch đáng kể, nơi mức sinh cao tiếp tục tăng lên, nơi mức sinh thấp có xu hướng giảm. Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh ở mức nghiêm trọng và ngày càng lan rộng. Sự khác biệt giữa các vùng, miền, giữa các nhóm dân cư về chỉ số tử vong mẹ, tử vong trẻ em, suy dinh dưỡng trẻ em còn lớn.

5. Nhân lực y tế: Số lượng và chất lượng nhân lực y tế phân bố không đồng đều giữa các vùng, các tuyến, giữa khám chữa bệnh và y tế dự phòng. Tỷ lệ điều dưỡng/bác sỹ thấp hơn nhiều so với mức trung bình trên thế giới, không đảm bảo chăm sóc người bệnh toàn diện và môi trường, an toàn bệnh viện. Nhân lực được lâm sàng chưa đáp ứng đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng. Kiểm định chất lượng chưa chặt chẽ. Cấp phép hành nghề còn chưa phù hợp với thông lệ quốc tế.

6. Tài chính y tế: Chưa đầu tư thỏa đáng và đổi mới cơ chế tài chính cho phát triển y tế công cộng và phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và y tế ở vùng khó khăn. Tạm ứng, thanh quyết toán chi phí khám chữa bệnh BHYT vẫn còn vướng mắc giữa bệnh viện và cơ quan BHXH.

7. Dược, trang thiết bị y tế: Kiểm chuẩn trang thiết bị còn yếu, số lượng và giá trị thiết bị y tế sản xuất trong nước, nguyên liệu sản xuất thuốc trong nước còn thấp. Việc lạm dụng kháng sinh; bán thuốc không cần, không theo đơn vẫn còn phổ biến. Một số cơ sở cung ứng thuốc đã được cấp tài khoản liên thông nhưng chưa thực hiện kết nối. Quản lý hàng giả, kém chất lượng còn khó khăn, tồn tại. Quản lý hành nghề y dược tư nhân, công tác thanh, kiểm tra còn hạn chế.

8. Thông tin y tế: Các cơ sở y tế đã tăng cường quản lý thông qua ứng dụng công nghệ thông tin nhưng tình trạng không thống nhất do không cùng nền tảng giải pháp kỹ thuật, liên thông dữ liệu hạn chế đã ảnh hưởng đến quản lý nhà nước vĩ mô của ngành. Thông tin quản lý y tế chưa được kịp thời, đầy đủ, thiếu thông tin từ các cơ sở y tế tư nhân, cơ sở y tế thuộc các bộ, ngành khác.

Phần thứ hai

CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2020

I. MỤC TIÊU CHUNG

Giảm tỷ lệ mắc và tử vong do bệnh, dịch bệnh, góp phần tăng tuổi thọ người dân, cải thiện các chỉ số sức khỏe cơ bản. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế, tạo nền tảng vững chắc để tiếp tục phát triển hệ thống y tế công bằng, hiệu quả, chất lượng và bền vững, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của các tầng lớp nhân dân.

II. CHỈ TIÊU

- Phấn đấu đạt 2 chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 85/2019/QH14 ngày 11/11/2019 và Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 là: (i) Số giường bệnh trên một vạn dân (không kể giường bệnh tại trạm y tế xã): 28 giường bệnh; (ii) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: 90,7%.

- Phấn đấu đạt vượt 7 chỉ tiêu cụ thể cho ngành, lĩnh vực được Chính phủ giao tại Phụ lục 3 Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 (*Phụ lục kèm theo*).

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2020

1. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

1.1. Về xây dựng chính sách, pháp luật và hoàn thiện thể chế:

Tập trung xây dựng, hoàn thiện Luật khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống HIV/AIDS thuộc Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2020 của Quốc hội. Phấn đấu hoàn thành các Đề án, văn bản trình Chính phủ, Thủ tướng trong Chương trình công tác của Chính phủ năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới; các Thông tư trong Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 của Bộ Y tế.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, xác định các vướng mắc, bất cập, chồng chéo trình Lãnh đạo Bộ để kịp thời sửa đổi, bổ sung. Nghiên cứu, xây dựng khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách, kịp thời giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, nhất là y tế cơ sở; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện cơ chế tự chủ, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

- Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngành y tế và tổ chức thực thi pháp luật nghiêm minh. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành có liên quan đến công tác y tế.

1.2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

- Phân đấu hoàn thành mục tiêu tinh giản biên chế 10% giai đoạn 2015 - 2021 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW; cơ cấu lại, tinh giản biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với cải cách tiền lương.

- Đẩy mạnh phân cấp gắn với nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các cấp, các ngành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

- Phân đấu đạt 100% dịch vụ công trực tuyến của Bộ Y tế đạt mức 4.

1.3. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức

- Hoàn thành lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Triển khai lập Quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Quy hoạch hệ thống kiểm nghiệm của Nhà nước theo quy định của Luật quy hoạch.

- Xây dựng Đề án sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ dự phòng tuyến trung ương thành các trung tâm kiểm soát bệnh tật trung ương, vùng; Đề án sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành cơ quan kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế.

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy y tế từ trung ương đến địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập quốc tế, kiện toàn hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ, chỉ đạo các địa phương tiếp tục mở rộng mô hình Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh, Trung tâm y tế huyện đa chức năng quản lý trạm y tế xã.

1.4. Nâng cao năng lực và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát

- Xây dựng và thực hiện tốt Kế hoạch Thanh tra năm 2020; Đề án phòng ngừa tội phạm và phòng chống vi phạm pháp luật tại các cơ sở y tế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng công tác hệ thống thanh tra y tế, công tác viên thanh tra y tế. Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án nâng cao năng lực thanh tra y tế đến năm 2020.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo 389 Bộ Y tế về chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả lĩnh vực y tế.

2. Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính y tế, thực hiện lộ trình BHYT toàn dân

- Tổ chức điều hành dự toán ngân sách năm 2020 chặt chẽ, hiệu quả, kỷ cương, công khai minh bạch. Xây dựng và triển khai Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ Y tế năm 2020.

- Tiếp tục rà soát, thực hiện giá dịch vụ khám, chữa bệnh theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí quản lý và khấu hao trên nguyên tắc bảo đảm công khai, minh bạch trong thu và chi trả chi phí khám, chữa bệnh.

- Hoàn thành rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật để góp phần kiểm soát chất lượng dịch vụ y tế, trong đó quy định rõ định mức bắt buộc phải tuân thủ, bảo đảm quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, của cơ sở khám, chữa bệnh, tránh gây thất thoát, lãng phí quỹ bảo hiểm y tế.

- Hoàn thành kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng cơ chế, chính sách tài chính y tế để thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư trong y tế, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển.

- Triển khai các giải pháp để mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, đặc biệt là người tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình, người làm nông, lâm, ngư và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng lộ trình điều chỉnh mức đóng bảo hiểm y tế phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo hướng tính đúng, tính đủ, khả năng cân đối của quỹ bảo hiểm y tế, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân và điều kiện kinh tế - xã hội.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu, bảo đảm công khai, minh bạch, đẩy mạnh đấu thầu tập trung cấp trung ương và địa phương; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện đấu thầu tập trung thuốc, vật tư y tế, đàm phán giá thuốc cấp quốc gia.

3. Phát triển nhân lực y tế và ứng dụng khoa học công nghệ

- Tiếp tục xây dựng chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện đào tạo nguồn nhân lực y tế theo hướng hội nhập quốc tế. Hoàn thiện và triển khai Đề án thành lập và triển khai hoạt động của Hội đồng Y khoa quốc gia; Nghị định về đào tạo đặc thù trong lĩnh vực sức khỏe sau khi được duyệt.

- Tăng cường giám sát, đảm bảo bảo chất lượng đào tạo, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia.

- Tiếp tục xây dựng chương trình, chuẩn năng lực cơ bản các ngành thuộc nhóm ngành khoa học sức khỏe; đẩy mạnh ứng dụng chuyển giao các kỹ thuật y học tiên tiến.

4. Đầu tư xây dựng các bệnh viện trung ương, tuyến cuối

- Hoàn thành việc đấu thầu, lắp đặt trang thiết bị cho Khoa khám bệnh cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai trước ngày 30/6/2020.

- Hoàn thành, bàn giao phần xây lắp của Khoa khám bệnh cơ sở 2 của Bệnh viện Việt Đức trước 30/6/2020. Tổ chức ngay việc đấu thầu trang thiết bị để đưa Khoa khám bệnh vào hoạt động trước ngày 30/6/2020.

- Khẩn trương phối hợp với các đơn vị sử dụng là Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức để hoàn thành việc xây dựng, tổ chức đấu thầu trang thiết bị, lắp đặt đồng bộ, đưa vào sử dụng toàn bộ 2 bệnh viện này chậm nhất là cuối năm 2020. Rà soát đánh giá việc thực hiện hợp đồng xây lắp của 2 Dự án, nêu rõ các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất các giải pháp tháo gỡ.

5. Tăng cường hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục nâng cao sức khỏe

- Chủ động, kịp thời cung cấp, tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân, dư luận về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nhằm tạo được sự đồng thuận, ủng hộ và chủ động tham gia của mọi người dân, sự chủ động, vào cuộc của các cấp ủy, đảng, chính quyền, sự phối hợp giữa các ngành, Ủy ban mặt trận tổ quốc, đoàn thể các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Biểu dương nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Triển khai Kế hoạch tổng thể Truyền thông nguy cơ sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 02/QĐ-BYT ngày 02/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thực hiện các nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe trong các hoạt động, chương trình, dự án về y tế nhằm nâng cao kiến thức, thực hành của người dân trong việc chủ động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của bản thân và cộng đồng.

6. Đẩy mạnh thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới

- Nhân rộng mô hình điểm trạm y tế xã, phường hoạt động theo nguyên lý y học gia đình. Rà soát và cập nhật các hướng dẫn chuyên môn cụ thể phù hợp với mạng lưới y tế cơ sở.

- Hoàn thành một bước đổi mới cơ chế tài chính, hoạt động của y tế xã, phường, thị trấn theo nguyên lý y học gia đình để thực hiện đúng vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe, quản lý và điều trị các bệnh không lây nhiễm của người dân trên địa bàn.

- Tập trung nguồn lực để nâng cao năng lực y tế cơ sở, nhất là trạm y tế xã, triển khai 2 dự án ODA đầu tư cho y tế cơ sở vay vốn WB và ADB và huy động hỗ trợ của các tổ chức, đối tác.

7. Chủ động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm

- Triển khai công tác phòng chống dịch chủ động, dự báo, phát hiện sớm, không chểnh mảng thời dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra, giảm tỷ lệ mắc và tử vong

do các bệnh truyền nhiễm. Giám sát chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời bệnh dịch truyền nhiễm tại các cửa khẩu quốc tế, không để dịch bệnh xâm nhập. Tiếp tục nâng cao chất lượng tiêm chủng mở rộng, bảo đảm vắc xin và duy trì tỷ lệ tiêm chủng mở rộng trên 95%.

- Triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình sức khỏe Việt Nam, Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, tập trung kiểm soát các yếu tố nguy cơ, tăng cường năng lực giám sát bệnh không lây nhiễm, tăng cường các hoạt động nâng cao sức khỏe, cung ứng dịch vụ tầm soát, phát hiện sớm bệnh tật.

- Tiếp tục triển khai Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025” phê duyệt tại Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống rối loạn dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng; đáp ứng dinh dưỡng trong tình trạng khẩn cấp và kiểm soát thừa cân, béo phì tại cộng đồng. Xây dựng và khuyến nghị về nhu cầu dinh dưỡng, chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng và cơ cấu bữa ăn hợp lý của người Việt Nam.

8. Tăng cường quản lý môi trường y tế

- Triển khai sâu, rộng Phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, các nội dung về vệ sinh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới.

- Nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; đánh giá tác động sức khỏe, ứng phó với biến đổi khí hậu; quản lý nhà nước về hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; năng lực chuyên môn kỹ thuật về y tế trường học cho cán bộ chuyên trách ngành y tế và giáo dục tuyến cơ sở, triển khai các mô hình trường học nâng cao sức khỏe trong các cơ sở giáo dục.

- Tăng cường triển khai các mô hình an toàn phòng chống tai nạn thương tích tại cộng đồng; an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp. Tổ chức triển khai Đề án Chăm sóc nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đẩy mạnh thực hiện cơ sở y tế xanh-sạch-đẹp, xử lý chất thải y tế tại các bệnh viện theo quy định.

9. Phòng, chống HIV/AIDS

- Thực hiện mục tiêu mục tiêu 90-90-90 năm 2020, khống chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dưới 0,3%, giảm số người nhiễm HIV mới.

- Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Mở rộng các cơ sở điều trị, cấp phát ARV, thực hiện điều trị ARV sớm.

- Phân phát miễn phí và tiếp thị xã hội đối với bom kim tiêm cho người nghiện chích ma túy, bao cao su cho gái mại dâm, nam quan hệ tình dục đồng giới.

10. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ y tế các tuyến, đáp ứng sự hài lòng của người dân, từng bước thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh

- Tiếp tục tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh thông qua đẩy mạnh áp dụng Bộ tiêu chí chất lượng với quan điểm lấy người bệnh làm trung tâm, đổi mới phong cách, thái độ, hướng tới hài lòng người bệnh; đào tạo, tập huấn, hội thảo... quản lý chất lượng cho các lãnh đạo; bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh, triển khai rộng hồ sơ sức khỏe cá nhân kết hợp với bệnh án điện tử. Xây dựng lộ trình đánh giá, công nhận chất lượng bệnh viện và gắn với giá dịch vụ y tế.

- Đẩy mạnh công tác quản lý, kiểm tra hoạt động các cơ sở y tế tư nhân, xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy y tế tư nhân phát triển.

11. Phát triển y dược cổ truyền

- Triển khai Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030; Đề án Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống bệnh viện y học cổ truyền toàn quốc giai đoạn 2014-2025; Thông báo số 220/TB-VPCP ngày 12/5/2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị toàn quốc về phát triển dược liệu Việt Nam.

- Xây dựng Đề án Phát triển các dịch vụ y dược cổ truyền phục vụ khách du lịch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiếp tục xây dựng cơ chế chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho y dược cổ truyền phát triển.

- Đẩy mạnh việc khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Đáp ứng đủ dược liệu, thuốc y học cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu và chủ yếu đạt chất lượng theo quy định cho các cơ sở khám, chữa bệnh bằng y dược cổ truyền.

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyên môn của các cơ sở khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền và các cơ sở nuôi trồng, thu hái, chế biến, sản xuất, kinh doanh dược liệu, thuốc cổ truyền và thuốc dược liệu. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các nội dung của Chỉ thị 17/CT-TTg về tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền.

12. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển dân số bền vững

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các đề án được giao tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Chủ động duy trì mức sinh thay thế; giảm chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh; tăng cường quản lý, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thích ứng với già hóa dân số; nâng cao chất lượng dân số đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

13. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em

- Triển khai Chương trình "Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam" được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019.

- Tiếp tục xây dựng các quy trình, tài liệu hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật, đề án về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế làm công tác sản nhi các tuyến; duy trì hoạt động của đội ngũ cô đỡ thôn bản người dân tộc thiểu số cho các vùng có tỷ lệ đẻ tại nhà còn cao.

- Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm tử vong bà mẹ, trẻ em, nhất là vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai khám sàng lọc bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản kết hợp phát hiện ung thư cổ tử cung ở phụ nữ.

14. Quản lý dược, thiết bị y tế

- Bảo đảm cung ứng đủ về số lượng, an toàn về chất lượng thuốc với giá cả hợp lý phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Xây dựng Đề án đảm bảo nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng; Đề án phát triển công nghiệp dược, nguyên liệu và dược liệu sản xuất trong nước; Đề án đổi mới công tác đăng ký thuốc. Hoàn thiện, trình ban hành Thông tư sửa đổi Thông tư 09/2016/TT-BYT về Danh mục thuốc đầu thầu, Danh mục thuốc đầu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá.

- Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 23/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, kết nối các cơ sở cung ứng thuốc; Đề án tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020.

- Quyết liệt thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực dược, nhất là đổi mới cấp phép đăng ký thuốc. Tăng cường các biện pháp phát hiện và thu hồi thuốc kém chất lượng, phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm chất lượng thuốc.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, hướng dẫn mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế; Đề án phát triển mạng lưới kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế; Đề án phát triển công nghiệp thiết bị y tế sản xuất trong nước.

15. Bảo đảm an toàn thực phẩm

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2016-2020.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành về an toàn thực phẩm; đề án cảnh báo nhanh và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm; dự án xây dựng hệ thống

thông tin dữ liệu cập nhật về an toàn thực phẩm; đề án thí điểm thanh tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm.

- Chỉ đạo đảm bảo an toàn thực phẩm các dịp lễ tết, sự kiện quan trọng quốc gia như tổ chức Đại hội đảng các cấp, các hoạt động năm Việt Nam làm Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA lần thứ 41...

- Tăng cường công tác thanh tra, hậu kiểm từ trung ương đến địa phương.

16. Phát triển hệ thống thông tin y tế

- Tiếp tục triển khai thực hiện: Đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 -2025; Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Y tế phiên bản 2.0; Đề án thí điểm hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh (PACS) tại bệnh viện; Kế hoạch triển khai thống kê y tế điện tử; đánh giá mức ứng dụng công nghệ thông tin trong bệnh viện, hồ sơ sức khỏe kết hợp bệnh án điện tử; thanh toán điện tử trong ngành y tế; Cơ chế một cửa quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN của Bộ Y tế giai đoạn 2018-2020.

- Xây dựng đề án tăng cường chẩn đoán, điều trị từ xa, gắn với đào tạo; kế hoạch triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; hệ thống thông tin một cửa điện tử.

17. Tiếp tục triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh và bảo đảm y tế khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố; tăng cường năng lực của các cơ sở kết hợp quân dân y; đề án phát triển y tế biển, đảo; công tác dự trữ quốc gia, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành y tế.

18. Tăng cường hợp tác, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế nhằm vận động sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm của các nước, các tổ chức quốc tế, chủ động đối phó với tác động bất lợi của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tham gia, đóng góp có trách nhiệm và nâng cao vai trò của y tế Việt Nam tại các cơ chế đa phương. Tổ chức thành công các hoạt động được giao cho Bộ Y tế trong năm Việt Nam làm Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA lần thứ 41.

Phần thứ ba

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Đối với các Ủy ban của Quốc hội

1. Ủng hộ và phối hợp chặt chẽ trong việc sửa đổi Luật khám bệnh, chữa bệnh. Trong khi chưa sửa đổi, bổ sung Luật BHYT đề nghị được đưa một số nội dung liên quan đến khám, chữa bệnh cho người có thẻ BHYT trong Luật khám bệnh, chữa bệnh sửa đổi theo một số nguyên tắc đã được quy định tại Nghị quyết số 20/NQ-TW 20¹³.

2. Đề nghị Quốc hội tiếp tục tăng chi ngân sách cho công tác y tế - dân số, dành tối thiểu 30% ngân sách y tế cho YTDP theo Nghị quyết 18 của Quốc hội, Nghị quyết số 20/NQ-TW, Nghị quyết số 21/NQ-TW của Ban chấp hành TW.

3. Đề nghị Quốc hội quan tâm, dành ngân sách trung ương để hỗ trợ các địa phương có khó khăn đầu tư cho các trạm y tế xã, nhất là các trạm ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn; đầu tư cho một số trung tâm y tế, bệnh viện huyện chưa được đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ thời gian vừa qua.

II. Đối với Chính phủ, các Bộ, ngành

1. Ủng hộ, trình Quốc hội tiếp tục tăng chi NSNN cho y tế, dân số theo Nghị quyết 18 của Quốc hội, Nghị quyết số 20/NQ-TW, Nghị quyết số 21/NQ-TW của Ban chấp hành TW.

2. Theo các Nghị quyết của Quốc hội, đề nghị Bộ Tài chính có cơ chế giám sát việc sử dụng phân kinh phí giảm chi thường xuyên của các bệnh viện (do đã tính tiền lương vào giá dịch vụ KCB), ngoài phần để cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại đề nghị tăng chi cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, chương trình mục tiêu y tế dân số, nâng mức hỗ trợ mua thẻ BHYT, chi tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao chất lượng dịch vụ của y tế địa phương, không điều chuyển sang các lĩnh vực chi khác.

3. Đề nghị ủng hộ, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chi tiết định mức phân bổ ngân sách chi sự nghiệp y tế của các địa phương theo tiêu chí dân số cho giai đoạn 2021 – 2025 có quy định cụ thể nguyên tắc phân bổ chi cho y tế xã y tế dự phòng, khám chữa bệnh và công tác dân số.

4. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu và báo cáo cấp có thẩm quyền để đưa chỉ tiêu về duy trì mức sinh thay thế thành chỉ tiêu quốc gia về phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2021-2030 theo kiến nghị của đồng chí Nguyễn Thiện Nhân tại thư công ngày 25 tháng 10 năm 2019.

¹³ Bộ Y tế sẽ có các báo cáo, đề xuất cụ thể về các nội dung như: xây dựng cơ chế giá dịch vụ và cơ chế đồng chi trả BHYT phù hợp nhằm khuyến khích người dân KCB ở tuyến dưới và các cơ sở y tế ở tuyến trên tập trung cung cấp các dịch vụ mà tuyến dưới chưa bảo đảm được; Quy định giá khám, chữa bệnh BHYT không theo hạng bệnh viện mà theo chất lượng của bệnh viện được đánh giá bởi tổ chức độc lập; y tế công cộng do ngân sách bảo đảm là chủ yếu; chăm sóc sức khỏe ban đầu do BHYT, người dân và NSNN cùng chi trả; KCB do BHYT và người dân chi trả; BHYT đối với người lao động phải do người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng góp, NSNN bảo đảm đối với một số đối tượng chính sách; NSNN, BHYT bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức; đa dạng các gói BHYT. Quy định việc đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu tại trạm y tế xã và phòng khám bác sỹ gia đình.

5. Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Y tế để ban hành Thông tư hướng dẫn mức chi cho các hoạt động dự phòng, nâng cao sức khỏe nhân dân để thực hiện Nghị quyết 20, 21 của Ban chấp hành Trung ương.

6. Đề nghị BHXH Việt Nam chỉ đạo BHXH các tỉnh, thành phố sớm thanh toán các chi phí vượt định mức kinh tế - kỹ thuật, chi phí vật tư y tế, thuốc, hóa chất không sử dụng hết theo định mức tính giá trong năm 2017, 2018 theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 11/5/2019 của Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2019; thực hiện việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho các cơ sở y tế theo quy định của Luật bảo hiểm y tế và Nghị định số 146/2018/NĐ-CP.

7. Ủng hộ để Bộ Y tế tiếp tục thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bao gồm cả chi phí quản lý theo lộ trình tính giá của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, đồng thời xây dựng lộ trình điều chỉnh mức đóng BHYT để phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ.

8. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Y tế xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính đối với Trung tâm Y tế huyện đa chức năng (khám chữa bệnh, y tế dự phòng, dân số, an toàn thực phẩm) để đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp y tế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương.

9. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Y tế để đưa các nội dung quy định về cơ chế tự chủ tài chính có tính đặc thù của ngành y tế phải đưa vào Nghị định sửa đổi Nghị định số 16. Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Y tế để đưa các nội dung quy định về viên chức, tổ chức bộ máy có tính đặc thù của ngành y tế vào Nghị định sửa đổi Nghị định số 41 và Nghị định số 55 của Chính phủ.

10. Bộ Y tế đề nghị Bộ Tài chính ủng hộ để Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn các đơn vị được thuê tài sản, vay vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết hợp tác đầu tư không chỉ để thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ mà cho cả các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao, không chỉ trong và cả ngoài đơn vị.

11. Đề nghị Bộ KH-ĐT sớm hoàn thành Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật Đầu tư công trong đó có quy định việc phân cấp thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư phù hợp với quy định về quyền tự chủ tài chính của các cơ quan, đơn vị nhằm tạo sự chủ động cho các đơn vị trong hoạt động đầu tư công.

12. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ủng hộ để Bộ Y tế trình Chính phủ thí điểm phương thức đấu thầu tập trung, đàm phán giá để lấy giá trần, các đơn vị, địa phương có thể đấu thầu hoặc mua trực tiếp nhưng không được vượt giá trần đã công bố.

13. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư công nhưng quy trình quản lý cần theo hướng rút gọn hoặc có quy định riêng để hài hòa về thủ tục giữa quản lý của Việt Nam và Nhà tài trợ. Hướng dẫn cụ thể trong việc xây dựng

ơ cấu nguồn vốn (XDCB - HCSN) đối với các dự án ODA đang triển khai hoặc đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

14. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các địa phương hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ để triển khai, hoàn thành dứt điểm công tác đền bù đất đai, đền bù công trình kiến trúc trên đất, cấp nhà tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng để nhận bàn giao khu đất, tạo mặt bằng xây dựng công trình đối với các dự án xây dựng trên cơ sở mới, khu đất mới.

15. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền giao đủ số vốn đầu tư từ NSNN, trái phiếu Chính phủ còn lại của Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 đã được phê duyệt cho Bộ Y tế và các địa phương vào năm 2020 để có đủ vốn thực hiện các dự án đã được phê duyệt.

III. Đối với Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Triển khai quy hoạch, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp y tế cho phù hợp, đẩy nhanh việc thực hiện trung tâm y tế huyện đa chức năng, trực tiếp quản lý trạm y tế xã; sáp nhập các trung tâm làm nhiệm vụ dự phòng tuyến tỉnh thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế tại địa phương, tập trung kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế trong hoạt động khám chữa bệnh, thực hiện giá dịch vụ y tế; tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác đầu tư xây dựng, mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị, xã hội hóa, sử dụng Quỹ BHYT để chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm nếu có.

3. Triển khai quyết liệt Đề án 2348 xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở; đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe, lập hồ sơ sức khỏe, tập huấn và triển khai theo dõi, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế. Xây dựng và triển khai các chính sách để duy trì, thu hút nhân lực cho tuyến dưới, tăng cường luân phiên cán bộ y tế.

4. Các tỉnh chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ dân số tham gia BHYT đã được Thủ tướng giao. Bảo đảm ngân sách mua thẻ BHYT cho các đối tượng được nhà nước hỗ trợ 100%, ưu tiên bố trí ngân sách để hỗ trợ hộ gia đình cận nghèo, hộ có thu nhập trung bình tham gia BHYT. Thúc đẩy bao phủ BHYT đối với học sinh, sinh viên. Huy động các nguồn lực cho Quỹ hỗ trợ khám chữa bệnh người nghèo của tỉnh theo Quyết định 14 của Thủ tướng, ngân sách hỗ trợ trẻ em nghèo mồ tìm theo Quyết định 55 của Thủ tướng...

5. Các tỉnh thực hiện đúng Nghị quyết 18, Nghị quyết 68 của Quốc hội, Nghị quyết 20, 21 của Ban chấp hành Trung ương: Tiếp tục tăng chi cho y tế với tốc độ tăng cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của NSNN, dành tối thiểu 30% ngân sách y tế cho y tế dự phòng, sử dụng phần kinh phí dành ra từ giảm chi thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập y tế, được sử dụng theo đúng nguyên tắc của Nghị quyết số 70 Quốc hội: dành 50% bổ sung nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở trong lĩnh vực hành chính và các lĩnh vực có đơn vị sự nghiệp;

dành 50% còn lại thực hiện chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực y tế không điều chuyển sang lĩnh vực chi khác nhằm triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết 20, 21 của TW đã đề ra, bảo đảm phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh; y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân.

6. Tiếp tục chỉ đạo, bố trí ngân sách cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập không bảo đảm bù đắp chi phí từ nguồn thu qua giá dịch vụ KCB BHYT. Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế giao phương án tự chủ cho các cơ sở KCB phù hợp với khả năng của cơ sở KCB và lộ trình kết cấu chi phí vào giá dịch vụ KCB, tránh việc cơ sở KCB phải tăng thu bằng mọi cách để tự chủ, dẫn tới lạm dụng chỉ định dịch vụ kỹ thuật, thuốc và dịch vụ ngày giường bệnh.

7. Bố trí đủ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ chi của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính; Bố trí đủ kinh phí cho các dự án đầu tư thuộc CTMT đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương và Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo đúng các nội dung đã được phê duyệt.

8. Bố trí vốn đối ứng, vốn ODA để thực hiện các dự án ODA do Bộ Y tế làm chủ dự án và giao cho địa phương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTg Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Lãnh đạo Bộ Y tế;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KHTC2.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

**PHỤ LỤC: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2019
VÀ ĐỀ XUẤT NĂM 2020**

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019 (thống kê sơ bộ)	Kế hoạch 2020
Chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 85/2019/QH14 và Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020						
1	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường	26,5	27	27,5	≥ 28,0
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	88,5	88,1	90,0	≥ 90,7
Chỉ tiêu cụ thể cho ngành, lĩnh vực năm 2020 được giao tại Phụ lục 3 Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020						
3	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	114,8	113,2	111,5	≤ 114,6
4	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	8,6	8,8	8,8	≥ 9,0
5	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	‰	14,24	14,2	14,0	≤ 14
6	Tỷ lệ tử vong của trẻ em < 5 tuổi	‰	21,38	20,7	21,0	≤ 20,4
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	12,7	12,3	12,3	≤ 12,0
8	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	76	76	76,5	≥ 80
9	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	90	92	92	≥ 94
Các chỉ tiêu khác thuộc kế hoạch ngành y tế năm 2020						
10	Dân số trung bình	Triệu người	94,67	95,7	96,48	≤ 97,7
11	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	73,5	73,7	73,6	≥ 73,7